TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 129/2021/DS-PT
Ngày 16-4-2021
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Tặng

Các Thẩm phán: Ông Sỹ Danh Đạt

Bà Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuấn-Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Bạch Nga - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 104/2019/TLPT-DS ngày 24 tháng 01 năm 2019 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 65/2018/DS-ST ngày 17 tháng 12 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện Lai Vung bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 91/2021/QĐ-PT ngày 18 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Phát triển nhà ĐBSCL (Nay là Ngân hàng thương mại cổ phần ĐT và phát triển VN)

Địa chỉ: .... Hàng V, quận Hoàn K, Thành phố Hà Nội

Người đại diện hợp pháp: Ông Huỳnh Minh H – Chức vụ: Kiểm soát viên phòng giao dịch LV. Địa chỉ: ..., khóm Bình T.1, thị trấn LV, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp; Là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 15/4/2021).

2. Bị đơn:

- Nguyễn Văn H, sinh năm 1960

- Phạm Ngọc S, sinh năm 1961

Cùng địa chỉ: Số ..., ấp Long K, xã Long H, huyện Lai V, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của Phạm Ngọc S là: Nguyễn Văn H, sinh năm 1960. Địa chỉ: Số ..., ấp Long K, xã Long H, huyện Lai V, tỉnh Đồng Tháp; Là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 06-12-2018)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Nguyễn Thiện T, sinh năm 1986

Địa chỉ: Số ..., ấp Long K, xã Long H, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của anh Nguyễn Thiện T: Nguyễn Văn H, sinh năm 1960. Là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 06-12-2018).

- Nguyễn Thiện N, sinh năm 1984

Trú tại: Số ..., ấp Long K, xã Long H, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp

4. Người kháng cáo: Ông Nguyễn Văn H là bị đơn

Ông H, ông H có mặt tại phiên tòa. Anh N có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Phát triển nhà ĐBSCL (Nay là Ngân hàng thương mại cổ phần ĐT và PT VN) người đại diện ông Huỳnh Minh H trình bày:

Vào ngày 08/9/2010 Nguyễn Văn H, Phạm Ngọc S, Nguyễn Thiện T, Nguyễn Thiện N tự tay ký tên vào các thủ tục để vay của Ngân hàng vốn 110.000.000 đồng đã trả 10.000.000 đồng số còn lại đã quá hạn, nhưng chưa trả. Do đó, Ngân hàng yêu cầu Nguyễn Văn H, Phạm Ngọc S, Nguyễn Thiện T, Nguyễn Thiện N liên đới trả cho Ngân hàng vốn vay 100.000.000 đồng, lãi 163.961.713 đồng (Tạm tính đến ngày 17/12/2018). Cộng chung vốn, lãi là 263.961.713 đồng và tiếp tục trả lãi theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng kể từ ngày 18/12/2018 cho đến khi Nguyễn Văn H, Phạm Ngọc S, Nguyễn Thiện T, Nguyễn Thiện N trả nợ xong thì Ngân hàng tự nguyện có nghĩa vụ trả lại cho Nguyễn Văn H, Phạm Ngọc S, Nguyễn Thiện T, Nguyễn Thiện N bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên người sử dụng đất

Nguyễn Văn H số bìa E 0485526, số vào sổ cấp GCN: 02217QSDĐ/B2 do Ủy ban nhân dân huyện LV cấp ngày 16/4/1995.

- Bị đơn Nguyễn Văn H cũng là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Phạm Ngọc S và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thiện T trình bày:

Vào ngày 07/4/2009 Nguyễn Văn H có ký tên Nguyễn Văn H và ký thay cho Phạm Ngọc S, Nguyễn Thiện T, riêng Nguyễn Thiện N tự tay ký tên cho Nguyễn Thiện N vào hợp đồng tín dụng số: NA.0823.09/HĐTD; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản khác gắn liền với đất số: 0823.09/HĐTC cùng ngày 07/4/2009 để thế chấp bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên người sử dụng đất Nguyễn Văn H số bìa E 0485526, số vào sổ cấp GCN: 02217QSDĐ/B2 do Ủy ban nhân dân huyện LV cấp ngày 16/4/1995 để vay của Ngân hàng thương mại cổ phần Phát triển nhà ĐBSCL (Nay là Ngân hàng thương mại cổ phần ĐT và PT VN) 60.000.000 đồng và đã trả xong, nhưng chưa lấy bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên người sử dụng đất Nguyễn Văn H về.

Ngoài ra Nguyễn Văn H, Phạm Ngọc S, Nguyễn Thiện T, Nguyễn Thiện N không có ai ký tên vào Hợp đồng tín dụng (Cho vay hạn mức tín dụng) số: HM0721.10 ngày 08/9/2010; Giấy nhận nợ số: NA0721.10/HĐTD ngày 10/3/2011; Giấy nhận nợ số: NA0721.10.03/HĐTD ngày 05/5/2011; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số: 0721.10/HĐTC ngày 08/9/2010 và cũng không có ai ký tên thế chấp bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên người sử dụng đất Nguyễn Văn H số bìa E 0485526, số vào sổ cấp GCN: 02217QSDĐ/B2 do Ủy ban nhân dân huyện LV cấp ngày 16/4/1995 để vay của Ngân hàng vốn 100.000.000 đồng. Do đó, Nguyễn Văn H, Phạm Ngọc S, Nguyễn Thiện T, Nguyễn Thiện N không đồng ý liên đới trả cho Ngân hàng vốn vay 100.000.000 đồng, lãi 163.961.713 đồng (Tạm tính đến ngày 17/12/2018). Cộng chung vốn, lãi là 263.961.713 đồng và tiếp tục trả lãi theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng kể từ ngày 18/12/2018 và yêu cầu Ngân hàng trả lại Nguyễn Văn H, Phạm Ngọc S, Nguyễn Thiện T, Nguyễn Thiện N bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên người sử dụng đất Nguyễn Văn H số bìa E 0485526, số vào sổ cấp GCN: 02217QSDĐ/B2 do Ủy ban nhân dân huyện LV cấp ngày 16/4/1995.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 65/2018/DS-ST ngày 17 tháng 12 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện Lai Vung đã xử:

1. Buộc Nguyễn Văn H, Phạm Ngọc S, Nguyễn Thiện T, Nguyễn Thiện N liên đới trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Phát triển nhà ĐBSCL (Nay là Ngân hàng thương mại cổ phần ĐT và PT VN) vốn vay 100.000.000 đồng, lãi 163.961.713 đồng (Tạm tính đến ngày 17/12/2018). Cộng chung vốn, lãi là 263.961.713 đồng (Hai trăm sáu mươi ba triệu, chín trăm sáu mươi mốt nghìn, bảy trăm mười ba đồng).

2. Đối với vốn vay 100.000.000 đồng sẽ được tiếp tục tính lãi kể từ ngày 18/12/2018 theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng (Cho vay hạn mức tín dụng) số: HM0721.10/HĐTD ngày 08/9/2010, giữa Ngân hàng thương mại cổ phần Phát triển nhà ĐBSCL (Nay là Ngân hàng thương mại cổ phần ĐT và PT VN) với Nguyễn Văn H, Phạm Ngọc S cho đến khi trả nợ xong.

3. Khi Nguyễn Văn H, Phạm Ngọc S, Nguyễn Thiện T, Nguyễn Thiện N liên đới trả nợ xong thì buộc Ngân hàng thương mại cổ phần Phát triển nhà ĐBSCL (Nay là Ngân hàng thương mại cổ phần ĐT và PT VN) trả lại cho Nguyễn Văn H, Phạm Ngọc S, Nguyễn Thiện T, Nguyễn Thiện N bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên người sử dụng đất Nguyễn Văn H số bìa E 0485526, số vào sổ cấp GCN: 02217QSDĐ/B2 do Ủy ban nhân dân huyện LV cấp ngày 16/4/1995.

4. Án phí; tạm ứng án phí:

4.1. Nguyễn Văn H, Phạm Ngọc S, Nguyễn Thiện T, Nguyễn Thiện N phải liên đới chịu 13.198.000 đồng (Mười ba triệu, một trăm chín mươi tám nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (Nguyễn Văn H, Phạm Ngọc S, Nguyễn Thiện T, Nguyễn Thiện N chưa nộp).

4.2. Hoàn trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần Phát triển nhà ĐBSCL (Nay là Ngân hàng thương mại cổ phần ĐT và PT VN) 4.415.000 đồng (Bốn triệu, bốn trăm mười lăm nghìn đồng) đã nộp tiền tạm ứng án phí theo biên lai số: 18610, ngày 13/12/2013 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về thời hạn, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ, thời hiệu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 28 tháng 12 năm 2018 (bổ sung ngày 05 tháng 01 năm 2019), ông Nguyễn Văn H kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 65/2018/DS-ST ngày 17 tháng 12 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp. Yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp giải quyết theo hướng:

1. Tuyên bố hợp đồng vay vốn vô hiệu và bác toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng theo quy định của pháp luật.

2. Yêu cầu Ngân hàng thương mại cổ phần ĐT và PT VN trả lại cho hộ ông Nguyễn Văn H bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên người sử dụng là Nguyễn Văn H do Ủy ban nhân dân huyện LV cấp ngày 16/4/1995.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát Tỉnh, phát biểu việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng chấp hành tốt quy định của pháp luật và đề xuất hướng giải quyết là chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn H, sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, được kiểm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

Theo Ngân hàng ngày 08/9/2010, ông Nguyễn Văn H, bà Phạm Ngọc S, anh Nguyễn Thiện T và anh Nguyễn Thiện N có ký hợp đồng tín dụng để vay của Ngân hàng số tiền 110.000.000 đồng. Khi vay ông H, bà S, anh T và anh N có thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 3.200m^2, thuộc thửa 1678 và thửa 1680, do Ủy ban nhân dân huyện LV cấp cho ông Nguyễn Văn H đứng tên.

Số tiền vay ông H và bà S nhận 02 lần cụ thể:

- Lần 1: Ngày 10/3/2011, ông H và bà S nhận số tiền vay 110.000.000 đồng, trong quá trình vay ông H, bà S (anh N) có trả vốn được 30.000.000 đồng, còn nợ 80.000.000 đồng.

- Lần 2: Ngày 05/5/2011, ông H và bà S nhận số tiền vay 20.000.000 đồng, tổng cộng 100.000.000 đồng.

Từ ngày 05/5/2011 đến nay ông H và bà S không trả vốn và cũng không đóng lãi.

Nay Ngân hàng yêu cầu ông H, bà S, anh T và anh N trả vốn là 100.000.000 đồng và trả lãi tạm tính đến ngày 17/12/2018 là 163.961.713 đồng, tổng cộng vốn lãi là 263.961.713 đồng.

Ông Nguyễn Văn H, thừa nhận ngày 07/4/2009, ông H, bà S, anh T và anh N có ký hợp đồng vay của Ngân hàng số tiền 60.000.000 đồng, khi vay có thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 3.200m^2, thuộc thửa 1678 và thửa 1680, do Ủy ban nhân dân huyện LV cấp cho ông Nguyễn Văn H đứng tên. Số tiền vay đã trả xong vốn và lãi, nhưng chưa lấy lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về (do Nguyễn Hữu Q là cháu ruột của ông H là Giám đốc Phòng giao dịch huyện LV và Nguyễn Thiện N là con ruột của ông H là cán bộ tín dụng của Phòng giao dịch huyện LV).

Ông H xác định chỉ có vay 01 lần 60.000.000 đồng và đã trả xong nợ, không có ký hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp ngày 08/9/2010 và cũng không có ký tên nhận số tiền theo giấy nhận nợ ngày 10/3/2011 và ngày 05/5/2011, nên không đồng ý trả vốn lãi cho Ngân hàng số tiền 263.961.713 đồng. Ông H, bà S, anh T yêu cầu Ngân hàng trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[3] Tại tòa án cấp sơ thẩm, ông H, bà S, anh T, anh N không đưa ra được tài liệu, chứng cứ nào khác có giá trị pháp lý để chứng minh lời trình bày của mình là có căn cứ và hợp pháp, nên án sơ thẩm xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Phát triển nhà ĐBSCL (Nay là Ngân hàng thương mại cổ phần ĐT và PT VN) là có căn cứ.

[4] Không đồng ý với quyết định bản án sơ thẩm, ông H kháng cáo.

[5] Tại phiên tòa cấp phúc thẩm ông H yêu cầu giám định chữ ký của Nguyễn Văn H, Phạm Ngọc S, Nguyễn Thiện T, Nguyễn Thiện N trong Hợp đồng tín dụng (Cho vay hạn mức tín dụng) số: HM0721.10 ngày 08/9/2010; Giấy nhận nợ số: NA0721.10/HĐTD ngày 10/3/2011; Giấy nhận nợ số: NA0721.10.03/HĐTD ngày 05/5/2011; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số: 0721.10/HĐTC ngày 08/9/2010. Tại kết luận giám định số 663/KL-KTHS ngày 16/8/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Tháp kết luận như sau:

"1. Chữ ký mang tên Nguyễn Văn H trên các tài liệu cần giám định ký hiệu từ A_1 đến A_4 so với chữ ký của Nguyễn Văn H trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M_1 đến M_{19} không phải do cùng một người ký ra.

2. Chữ ký mang tên Phạm Ngọc S trên các tài liệu cần giám định ký hiệu từ A_1 đến A_4 so với chữ ký của Phạm Ngọc S trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M_{12}, M_{13}, M_{20} không phải do cùng một người ký ra.

3. Chữ ký mang tên Nguyễn Thiện T trên tài liệu cần giám định ký hiệu A_2 so với chữ ký của Nguyễn Thiện T trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M_{11}, M_{12}, M_{13} không phải do cùng một người ký ra.

4. Chữ ký mang tên Nguyễn Thiện N trên tài liệu cần giám định ký hiệu A_2 so với chữ ký của Nguyễn Thiện N trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M_2, M_{12}, M_{13} và từ M_{22} đến M_{31} do cùng một người ký ra."

Như vậy, theo kết luận giám định: Chữ ký tên trên Hợp đồng tín dụng số: HM0721.10 ngày 08/9/2010, Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số: 0721.10/HĐTC ngày 08/9/2010; Giấy nhận nợ số: NA0721.10/HĐTD ngày 10/3/2011; Giấy nhận nợ số: NA0721.10.03/HĐTD ngày 05/5/2011 là không phải của ông H, bà S và anh T. Chữ ký tên Nguyễn Thiện N, tại hợp đồng thế chấp số: 0721.10/HĐTC ngày 08/9/2010 là của anh Nhơn.

Vì thế, Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số: 0721.10/HĐTC ngày 08/9/2010 đã vi phạm về điều kiện có hiệu lực của hợp đồng quy định tại Điều 117 Bộ luật dân sự 2015, do đó hợp đồng vay vốn, thế chấp tài sản giữa Ngân hàng và ông H, bà S, anh T, anh N là giao dịch dân sự vô hiệu do giả tạo theo quy định tại Điều 122, 124 Bộ luật dân sự 2015. Do đó yêu cầu kháng cáo của ông H là có cơ sở để chấp nhận.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp là chấp nhận kháng cáo của ông H, sửa Bản án sơ thẩm là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những cơ sở trên Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn H, sửa bản án sơ thẩm.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết hạn kháng cáo kháng nghị.

Do chấp nhận kháng cáo của ông H, nên ông H không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 2, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2, Điều 148; khoản 2, Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn H.

- Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 65/2018/DS-ST ngày 17 tháng 12 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Phát triển nhà ĐBSCL (Nay là Ngân hàng thương mại cổ phần ĐT và PT VN) yêu cầu ông Nguyễn Văn H, bà Phạm Ngọc S, anh Nguyện Thiện T và anh Nguyễn Thiện N trả vốn, lãi tính đến ngày 17/12/2018, tổng cộng là 263.961.713 đồng (Hai trăm sáu mươi ba triệu, chín trăm sáu mươi mốt nghìn, bảy trăm mười ba đồng).

2. Tuyên bố Hợp đồng tín dụng (cho vay hạn mức tín dụng) số: HM0721.10 ngày 08/9/2010; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số: 0721.10/HĐTC ngày 08/9/2010; Hợp đồng tín dụng kiêm giấy nhận nợ và bảng kê rút vốn số: NA0721.10/HĐTD ngày 10/3/2011; Hợp đồng tín dụng kiêm giấy nhận nợ và bảng kê rút vốn số: NA0721.10.03/HĐTD ngày 05/5/2011, giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển nhà ĐBSCL (Nay là Ngân hàng Thương mại Cổ phần ĐT và PT VN) với Nguyễn Văn H, Phạm Ngọc S, Nguyễn Thiện T, Nguyễn Thiện N là giao dịch dân sự vô hiệu.

Buộc Ngân hàng thương mại cổ phần Phát triển nhà ĐBSCL (Nay là Ngân hàng thương mại cổ phần ĐT và PT VN) trả lại cho Nguyễn Văn H, Phạm Ngọc S, Nguyễn Thiện T, Nguyễn Thiện N bản chính Giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất tên người sử dụng đất Nguyễn Văn H số bìa E 0485526, số vào sổ cấp GCN: 02217QSDĐ/B2 do Ủy ban nhân dân huyện LV cấp ngày 16/4/1995.

3. Về án phí

- Ngân hàng thương mại cổ phần Phát triển nhà ĐBSCL (Nay là Ngân hàng thương mại cổ phần ĐT và PT VN) phải chịu 13.198.000 đồng (Mười ba triệu, một trăm chín mươi tám nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí 4.415.000 đồng đã nộp theo biên lai số: 18610, ngày 13/12/2013 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp được trừ vào án phí. Ngân hàng thương mại cổ phần Phát triển nhà ĐBSCL (Nay là Ngân hàng thương mại cổ phần ĐT và PT VN) còn phải nộp tiếp số tiền 8.783.000 đồng.

- Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn H số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0002659 ngày 05/01/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung.

4. Về chi phí giám định:

Tổng cộng là 2.535.000 đồng. Ông H tự nguyện nộp và đã chi xong.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND Tỉnh;
- TAND TP. Lai Vung;
- CCTHADS TP. Lai Vung;
- Phòng KTNV-THA TA tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án (T).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚCTHẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tấn Tặng